

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2023/DS-ST
Ngày: 05-9-2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Tống Văn Tâm;

2/ Bà Huỳnh Anh Thư.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa:* Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 104/2023/TLST-DS ngày 04/5/2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2023/QĐST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Kim D, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ 4, khu phố 4, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đặng Phước Hoàng M, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 68/23A TQK, phường T, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
Có mặt

Bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc M, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ 10, ấp T, xã B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

NỘI D VU ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Bà Hoàng Thị Kim D có mối quan hệ thân thiết lâu năm với bà Cao Thị Minh H, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 2, Khu phố 3, phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Ngày 17/7/2022, thông qua giới thiệu của bà H và bà H trực tiếp dẫn bà Trần Thị Ngọc M đến nhà bà D tại Tổ 4, Khu phố 4, phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương để hỏi mượn tiền gấp để đủ tiền lấy một lô hàng, hứa sau khi thanh lý lô hàng sẽ trả lại tiền. Do tin tưởng bà H giới thiệu và bà M có đưa ra giấy tờ chứng minh làm chủ doanh nghiệp lớn, đã tạo lòng tin cho bà D, đồng thời bà D có nguồn tiền do mới bán đất mà có nên đã đồng ý cho bà M mượn số tiền 5.000.000.000 đồng. Việc vay mượn tiền có lập giấy biên nhận tiền và bà M cam kết sẽ trả chậm nhất vào ngày 27/3/2023, bà M tự viết, ký tên và lấn tay vào tờ giấy biên nhận mượn tiền trước mặt bà D và bà H.

Tuy nhiên đến ngày 27/3/2023 bà M không trả lại tiền cho bà D như đã cam kết. Nhiều lần yêu cầu bà M trả lại tiền nhưng bà M hứa hẹn rồi cũng không thanh toán cho bà D. Bà D khởi kiện yêu cầu bà M phải trả lại nợ gốc là 5.000.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 17/7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 12%/năm tương ứng số tiền 600.000.000 đồng. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 28/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 219.435.000 (Thời gian 05 tháng 8 ngày, với lãi suất 10%/năm). Tổng số tiền bà D yêu cầu bà M phải thanh toán là 5.219.435.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Ngọc M trình bày: Do quen biết bà Cao Thị Minh H, được bà Cao Thị Minh H giới thiệu, bà M có vay của bà Hoàng Thị Kim D số tiền 5.000.000.000 đồng để bổ sung vốn kinh doanh. Ngày 17/7/2022, bà M có viết giấy nhận tiền và cam kết thanh toán ngày 27/3/2023 nhưng do tình hình khó khăn bà M chưa thanh toán được.

Ngày 24/5/2023, Tòa án ban hành Quyết định trưng cầu giám định dấu vân tay tại “*Giấy biên nhận mượn tiền đề ngày 17/7/2022*”. Tại Kết luận giám định số 253/KL-KTHS(ĐV) ngày 12/7/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương xác định: Hai (02) dấu vân tay mang tên “*Trần Thị Ngọc M*” dưới các mục “*Người mượn*” và “*Tôi đã đọc lại rất nhiều lần và cam kết thực hiện đúng lời hứa*” trên 01 “*Biên bản mượn tiền*” đề ngày 17/07/2022 (ký hiệu A) so với dấu vân tay ngón trỏ trái và ngón trỏ phải đúng tên Trần Thị Ngọc M, sinh năm 1974, nơi ĐKKH thường trú: Tổ 10, ấp Tân Long, xã Bạch Đằng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương trên 01 “*Tờ khai chứng minh nhân dân*” và “*Chỉ bản*” vân tay mười ngón số 280551038 đề ngày 30/3/2009 (ký hiệu M) là của cùng một người in ra.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản là quyền sử dụng đất thửa 171 tờ bản đồ 7 tại xã Bạch Đằng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương để đảm bảo việc thi hành án. Ngày 05/6/2023, Tòa án ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2023/QĐ-BPKCTT ngày 05/6/2023.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định, bị đơn không tham gia tố tụng là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng.

Về nội D: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 5.219.435.000 đồng, gồm nợ gốc 5.000.000.000 đồng và lãi 219.435.000 (Thời gian 05 tháng 8 ngày, với lãi suất 10%/năm) là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các đương sự có ký kết hợp đồng vay tài sản, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả tiền gốc, tiền lãi do đó xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Bị đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu về tiền lãi chậm trả là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu.

[2] Về nội D:

[2.1] Về ký kết, thực hiện hợp đồng: Nguyên đơn xác định có cho bị đơn vay số tiền 5.000.000.000 đồng, hẹn thanh toán ngày 27/3/2023, đến hạn bị đơn không thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ gốc số tiền 5.000.000.000 đồng, tiền lãi số tiền 219.435.000 đồng tính từ ngày 28/3/2023 mức lãi suất 10%/năm. Nguyên đơn cung cấp chứng cứ là Biên nhận mượn tiền đề ngày 17/7/2022. Nội D biên nhận này thể hiện: *“Hôm nay ngày 17/07/2022. Tôi tên Trần Thị Ngọc M, sinh năm 1974; CCCD số 074174004335 hiện ngụ tại ấp Tân Long, xã Bạch Đằng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Ngày 17/7/2022 tôi có mượn của bà Hoàng Thị Kim D số tiền 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng VN). Số tiền trên bà D cho tôi mượn tôi đã nhận bằng tiền mặt đầy đủ. Tôi làm giấy cam kết này và hẹn đến ngày 27/03/2023 là ngày tôi hứa sẽ hoàn trả số tiền đã mượn cho bà D. Nay tôi làm tờ cam kết này và hứa sẽ thực hiện đúng lời hứa, nếu sau ngày 27/3/2023 tôi không trả tôi cam kết chịu mọi trách nhiệm trước các cấp chính quyền và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật”*. Theo Kết luận giám định số 253/KL-KTHS(ĐV) ngày 12/7/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương xác định dấu vân tay trong Biên nhận mượn tiền đề ngày 17/7/2022 là của bà Trần Thị Ngọc M in ra. Bị đơn cũng thừa nhận có vay như trình bày của nguyên đơn và đồng ý trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy có căn cứ xác định ngày 17/7/2023 bà Hoàng Thị Kim D,

bà Trần Thị Ngọc M có ký kết hợp đồng vay tài sản, số tiền vay là 5.000.000.000 đồng, thời hạn thanh toán là ngày 27/3/2023, bà Trần Thị Ngọc M đã nhận đủ số tiền 5.000.000.000 đồng của bà Hoàng Thị Kim D. Xét thấy hình thức, nội D hợp đồng vay tài sản là phù hợp các Điều 119, Điều 398 của Bộ luật Dân sự, không vi phạm đạo đức xã hội, các bên tự nguyện ký kết hợp đồng do đó Hợp đồng có hiệu lực kể từ thời điểm ký kết, các bên tham gia trong giao dịch này có quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên. Bị đơn vay tiền phải có nghĩa vụ phải trả nợ cho nguyên đơn theo Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[2.2] Về lãi chậm trả: Theo nội D Biên nhận mượn tiền đề ngày 17/7/2022, các bên không có thỏa thuận về lãi suất vay, không thỏa thuận lãi chậm trả. Do đó, nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 28/3/2023 với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp quy định tại Điều 357, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[2.3] Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán do đó cần thiết tiếp tục duy trì biện pháp bảo đảm cho đến khi có quyết định thay đổi, hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

[3] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Về chi phí giám định, án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn phải chịu chi phí giám định, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 161, Điều 162, Điều 227, Điều 228, của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 119, Điều 357, Điều 398, Điều 463, Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị Kim D đối với bị đơn bà Trần Thị Ngọc M về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”:

Buộc bà Trần Thị Ngọc M thanh toán cho bà Hoàng Thị Kim D số tiền là 5.219.435.000 đồng (Năm tỷ hai trăm mười chín triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn đồng), gồm nợ gốc là 5.000.000.000 đồng và tiền lãi là 219.435.000 đồng.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 02/2023/QĐ-BPKCTT ngày 05/6/2023 cho đến khi có quyết định thay đổi, hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

3. Về chi phí giám định:

Bị đơn bà Trần Thị Ngọc M phải chịu chi phí giám định 3.000.000 đồng, nguyên đơn bà Hoàng Thị Kim D đã tạm ứng chi phí giám định, do đó bà Trần Thị Ngọc M phải thanh toán lại cho bà Hoàng Thị Kim D 3.000.000 đồng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Ngọc M phải nộp 113.219.000 đồng (Một trăm mười ba triệu hai trăm mười chín nghìn đồng).

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Hưởng